

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 2400283204**

*Đăng ký lần đầu: ngày 12 tháng 10 năm 2001*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 29, ngày 08 tháng 09 năm 2021*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THÔNG NHẤT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Thôn 14, Xóm Chùa, Xã Hương Lạc, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Điện thoại: 0204. 3556865

Fax: 0204.3681287

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ**

56.000.000.000 đồng

*Bằng chữ: Năm mươi sáu tỷ đồng*

**4. Danh sách thành viên góp vốn**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	PHÙNG NGỌC HÀ	Việt Nam	Thôn Tân Văn, Xã Tân Đình, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	55.810.000.000	99,660	122385888	
2	NGUYỄN THỊ DUYÊN	Việt Nam	Thôn Hồng Giang, Xã Dương Đức, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	190.000.000	0,340	121540354	

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: PHÙNG NGỌC HÀ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/10/1964

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 122385888

Ngày cấp: 05/03/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Địa chỉ thường trú: Thôn Tân Văn, Xã Tân Đình, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Tân Văn, Xã Tân Đình, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**TRƯỞNG PHÒNG**



TRƯỞNG PHÒNG  
**NGUYỄN VŨ ĐIỂN**

Số: 907 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 08 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản  
làm vật liệu xây dựng thông thường (đất sét gạch) tại khu vực  
Độc Đàm, Trại Cũ, thôn Liên Phong, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản năm 2010;*

*Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;*

*Căn cứ các nghị định của Chính phủ: số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Khoáng sản; số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ các quyết định của UBND tỉnh: số 553/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2020; số 621/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 về việc phê duyệt giá khởi điểm, bước giá các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2020;*

*Căn cứ Biên bản cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bắc Giang tổ chức ngày 23/9/2020 kèm theo Thông báo số 159/TB-TTĐVĐGTS ngày 24/9/2020 về việc thông báo kết quả tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 312/BC-TNMT ngày 25/9/2020 và Tờ trình số 719/TTr-TNMT ngày 29/9/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đất sét gạch) tại khu vực Độc Đàm, Trại Cũ, thôn Liên Phong, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, diện tích 7,6ha, được giới hạn bởi

điểm góc có tọa độ xác định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này với nội dung cụ thể như sau:

1.1. Tổ chức trúng đấu giá: Công ty TNHH Thống Nhất, địa chỉ trụ sở: Thôn 14, xóm Chùa, xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang; người đại diện theo pháp luật: ông Phùng Ngọc Hà.

1.2. Giá trúng đấu giá: 40% (mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản).

1.3. Thời gian nộp tiền trúng đấu giá: Trước khi cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

1.4. Diện tích thuộc địa bàn huyện Lục Nam.

**Điều 2.** Công ty TNHH Thống Nhất phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 23 tháng 3 năm 2021. Sau thời hạn này, nếu Công ty không nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản cho Sở Tài nguyên và Môi trường thì kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản được công nhận tại Quyết định này sẽ bị hủy; đồng thời Công ty TNHH Thống Nhất không được hoàn trả tiền đặt trước theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ.

**Điều 3.** Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, tiếp nhận và thẩm định hồ sơ, trình cấp phép hoạt động khoáng sản cho Công ty TNHH Thống Nhất theo quy định.

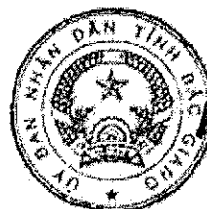
**Điều 4.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Lục Nam, Chủ tịch UBND xã Cẩm Lý; Công ty TNHH Thống Nhất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, TH, TKCT, TNMT;
- Lưu: VT, TPKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Thế Tuấn

**PHỤ LỤC. TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM GÓC KHU VỰC TRÚNG ĐẦU GIÁ  
QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (ĐẤT SÉT GẠCH)**

*(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-UBND ngày   /10/2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

Địa điểm	Điểm khép góc	Tọa độ VN 2000				Diện tích (ha)
		Kinh tuyến trục 107 <sup>0</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup>		Kinh tuyến trục 105 <sup>0</sup> , múi chiếu 6 <sup>0</sup>		
		X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)	
Khu vực Độc Đầm, Trại Cũ, thôn Liên Phong, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam	1	2345 662	432 828	2345 421	640 432	7,6
	2	2345 780	432 766	2345 538	640 368	
	3	2345 931	432 700	2345 688	640 300	
	4	2345 983	432 743	2345 741	640 343	
	5	2346 109	432 660	2345 866	640 258	
	6	2346 125	432 581	2345 881	640 179	
	7	2346 035	432 591	2345791	640 190	
	8	2345 997	432 638	2345 753	640 237	
	9	2345 871	432 616	2345 627	640 217	
	10	2345 914	432 510	2345 669	640 110	
	11	2345 906	432 460	2345 660	640 061	
	12	2345 849	432 475	2345 603	640 076	
	13	2345 808	432 507	2345 563	640 109	
	14	2345 797	432 549	2345 552	640 151	
	15	2345 747	432 581	2345 503	640 184	
	16	2345 662	432 603	2345 418	640 207	
	17	2345 674	432 644	2345 431	640 247	
	18	2345 629	432 749	2345 387	640 353	



Số: 178 /QĐ-TNMT

Bắc Giang, ngày 08 tháng 3 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (đất sét gạch) tại khu vực Dộc Đàm, Trại Cũ, thôn Liên Phong, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang”**

*(Trữ lượng tính đến ngày 18 tháng 02 năm 2022)*

### **GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Khoáng sản năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 22/2009/TT-BTNMT ngày 11/11/2009 quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên các mỏ đá, sét; số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, trình tự thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; số 60/2017/TT-BTNMT ngày 06/12/2017 quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;*

*Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 512/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh về việc cấp cho Công ty TNHH Thống Nhất thăm dò khoáng sản (đất sét gạch) tại khu vực Dộc Đàm, Trại Cũ, thôn Liên Phong, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 23/5/2021 của UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện một số nội dung về lĩnh vực tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;*

*Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tư vấn kỹ thuật thẩm định báo cáo kết quả thăm dò trữ lượng khoáng sản mỏ đất khu vực Dộc Đàm, Trại Cũ, thôn Liên Phong, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam tại phiên họp ngày 21 tháng 01 năm 2022;*

*Theo đề nghị của: Công ty TNHH Thống Nhất tại Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản và hồ sơ kèm theo; Trưởng phòng Tài nguyên khoáng sản tại Báo cáo thẩm định ngày 04/3/2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (đất sét gạch) tại khu vực Dộc Đàm, Trại Cũ, thôn Liên Phong, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 7,6ha (bảy phẩy sáu héc ta), có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản chính (đất sét gạch) đã tính trong báo cáo theo cấp 122 là: 300.328 m<sup>3</sup>.

3. Các khoáng sản đi kèm (đất san lấp): 72.105 m<sup>3</sup>.

4. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt: như Phụ lục số 2 kèm theo.

Trữ lượng khoáng sản của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.

5. Xác nhận trữ lượng khoáng sản chính (đất sét gạch) được phép đưa vào thiết kế khai thác cấp 122 là: 272.633 m<sup>3</sup>; khoáng sản đi kèm (đất san lấp) là: 71.924 m<sup>3</sup>.

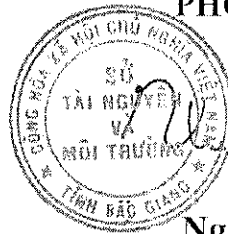
**Điều 2.** Yêu cầu Công ty TNHH Thống Nhất nộp tài liệu báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản tại khu vực Dộc Đàm, Trại Cũ, thôn Liên Phong, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, gồm: 03 bộ bằng giấy và 01 USB (sao lưu kết quả) về Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Các tài liệu của Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (tại khu vực Dộc Đàm, Trại Cũ, thôn Liên Phong, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam được sử dụng để lập hồ sơ khai thác khoáng sản, thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Sở; Trưởng phòng Tài nguyên khoáng sản; Chủ tịch UBND xã Cẩm Lý; Giám đốc Công ty TNHH Thống Nhất căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh (b/c);
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản VN;
- LĐS (GD, PGD-PT);
- VPS (một cửa), TNKS;
- Lưu: VT, TNKS (Hồ sơ).



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Ngô Văn Xuyên**





**PHỤ LỤC 01: TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG  
KHOÁNG SẢN (ĐẤT SÉT GẠCH) KHU VỰC ĐỘC ĐÀM, TRẠI CŨ,  
THÔN LIÊN PHONG, XÃ CẨM LÝ, HUYỆN LỤC NAM**

*(Kèm theo Quyết định số 178 /QĐ-TNMT ngày 08 /3/2022  
của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường)*

Tên khu vực	Điểm góc	Toạ độ VN-2000				Diện tích (ha)
		Kinh tuyến trục 107 <sup>0</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup>		Kinh tuyến trục 105 <sup>0</sup> , múi chiếu 6 <sup>0</sup>		
		X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)	
Khu Độc Đàm, Trại Cũ, thôn Liên Phong, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam	1	2345662	432828	2345421	640432	7,6
	2	2345780	432766	2345538	640368	
	3	2345931	432700	2345688	640300	
	4	2345983	432743	2345741	640343	
	5	2346109	432660	2345866	640258	
	6	2346125	432581	2345881	640179	
	7	2346035	432591	2345791	640190	
	8	2345997	432638	2345753	640237	
	9	2345871	432616	2345627	640217	
	10	2345914	432510	2345669	640110	
	11	2345906	432460	2345660	640061	
	12	2345849	432475	2345603	640076	
	13	2345808	432507	2345563	640109	
	14	2345797	432549	2345552	640151	
	15	2345747	432581	2345503	640184	
	16	2345662	432603	2345418	640207	
	17	2345674	432644	2345431	640247	
	18	2345629	432749	2345387	640353	

**Phụ lục số 02: THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN  
(ĐẤT SÉT GẠCH) TẠI KHU VỰC DỘC ĐÀM, TRẠI CŨ,  
THÔN LIÊN PHONG, XÃ CẨM LÝ, HUYỆN LỤC NAM**  
(Kèm theo Quyết định số 178 /QĐ-TNMT ngày 08 /3/2022  
của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường)

STT	Số hiệu khối	Mức tính trữ lượng	Trữ lượng địa chất (m <sup>3</sup> )		Trữ lượng đưa vào thiết kế khai thác (m <sup>3</sup> )	
			Đất san lấp	Đất sét gạch	Đất san lấp	Đất sét gạch
1	1-122	-2,35	11.224	35.820	11.201	31.172
2	2-122		13.176	32.271	13.141	25.463
3	3-122		19.938	76.736	19.894	68.561
4	4-122		21.282	92.250	21.224	91.229
5	5-122		5.460	52.912	5.456	48.169
6	6-122		1.025	10.339	1.008	8.039
Tổng trữ lượng cấp 122			72.105	300.328	71.924	272.633

Số: 512 /GP-TNMT

Bắc Giang, ngày 06 tháng 7 năm 2021

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**  
cấp cho Công ty TNHH Thống Nhất thăm dò khoáng sản (đất sét gạch)  
tại khu vực Dộc Đàm, Trại Cũ, thôn Liên Phong, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**BẢN SAO**

Căn cứ Luật Khoáng sản năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 22/2009/TT-BTNMT ngày 11/11/2019 quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng về tài nguyên các mỏ đá sét; số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, trình tự thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; số 60/2017/TT-BTNMT ngày 06/12/2017 quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của UBND tỉnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đất sét gạch) tại khu vực Độc Đàm, Trại Cũ, thôn Liên Phong, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam;

Căn cứ Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 23/5/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định về việc ủy quyền thực hiện một số nội dung về lĩnh vực tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 26/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch vùng nguyên liệu đất sét sản xuất gạch ngói trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020;

Theo đề nghị của: Công ty TNHH Thống Nhất tại Đơn đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản và hồ sơ kèm theo; Trưởng phòng Tài nguyên khoáng sản tại Báo cáo thăm định ngày 05/7/2021.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty TNHH Thống Nhất được thăm dò khoáng sản (đất sét gạch) tại khu vực Độc Đàm, Trại Cũ, thôn Liên Phong, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

1. Diện tích khu vực thăm dò là 7,6 ha (bảy phẩy sáu héc-ta), được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 18, xác định tại Phụ lục kèm theo Giấy phép này và trên

bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000 (hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực  $107^0$ , múi chiếu 3 được tính chuyển sang kinh tuyến trực  $105^0$  múi chiếu  $6^0$ ) kèm theo hồ sơ.

2. Thời hạn thăm dò: 12 tháng, kể từ ngày ký giấy phép (thời gian trên bao gồm thời gian thực hiện đề án thăm dò khoáng sản, thời gian trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản và thời gian lập dự án đầu tư khai thác khoáng sản).

3. Phương pháp và khối lượng thăm dò chủ yếu:

3.1. Sử dụng 02 mốc địa chính cơ sở hạng III nhà nước (số hiệu: 105451 và 105464) để thành lập lưới giải tích 1 (2 điểm), lập đường chuyền kinh vĩ với chiều dài 0,662 km, lập lưới khống chế độ cao chiều dài 0,941 km; bố trí 06 tuyến thăm dò với tổng chiều dài 1,434 km; lập mặt cắt theo tuyến thăm dò với chiều dài là 0,942 km.

3.2. Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ 1/2.000 (diện tích  $0,076 \text{ km}^2$ ) và bản đồ ĐCCT ĐCTV tỷ lệ 1/2.000 (diện tích  $0,076 \text{ km}^2$ ); dọn 02 vết lộ với khối lượng  $0,1 \text{ m}^3$ ; thi công 04 hố đào địa chất với khối lượng  $26 \text{ m}^3$ ; thi công 03 lỗ khoan trên tuyến thăm dò với tổng chiều sâu 13,6 m (LK.1 là 4,2 m, LK.2 là 4,7 m; LK.3 là 4,7 m); đưa 7 công trình chủ yếu ra thực địa và đưa 7 công trình chủ yếu vào bản đồ.

3.3. Lấy 15 mẫu (gồm: 04 mẫu độ hạt, 03 mẫu hóa cơ bản, 03 mẫu cơ lý, 04 mẫu vật liệu nung, 01 mẫu nước); gia công 14 mẫu (gồm: 04 mẫu độ hạt, 03 mẫu hóa cơ bản, 03 mẫu cơ lý, 04 mẫu vật liệu nung); phân tích 15 mẫu (gồm: 04 mẫu độ hạt, 03 mẫu hóa cơ bản, 03 mẫu cơ lý, 04 mẫu vật liệu nung, 01 mẫu nước).

4. Chi phí thăm dò: Bằng nguồn vốn tự có của Công ty TNHH Thống Nhất (đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước).

**Điều 2. Công ty TNHH Thống Nhất có trách nhiệm:**

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành (tại Sở Tài nguyên và môi trường).

2. Lựa chọn tổ chức có năng lực tiến hành thi công công tác thăm dò (theo quy định tại Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và Thông tư số 17/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

3. Thực hiện thăm dò khoáng sản theo phương pháp, khối lượng đã quy định tại Điều 1 Giấy phép này, Đề án thăm dò được chấp thuận và theo các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường; thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

4. Thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lục Nam và UBND xã Cẩm Lý để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa; chịu sự kiểm tra, giám sát quá trình thi công hệ phương pháp kỹ thuật và các hạng mục công việc trong Đề án của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc đơn vị được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang ủy quyền.

bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000 (hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục  $107^0$ , múi chiếu  $3^0$ , được tính chuyển sang kinh tuyến trục  $105^0$  múi chiếu  $6^0$ ) kèm theo hồ sơ.

2. Thời hạn thăm dò: 12 tháng, kể từ ngày ký giấy phép (thời gian trên-bao gồm thời gian thực hiện đề án thăm dò khoáng sản, thời gian trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản và thời gian lập dự án đầu tư khai thác khoáng sản).

3. Phương pháp và khối lượng thăm dò chủ yếu:

3.1. Sử dụng 02 mốc địa chính cơ sở hạng III nhà nước (số hiệu: 105451 và 105464) để thành lập lưới giải tích 1 (2 điểm), lập đường chuyển kinh vĩ với chiều dài 0,662 km, lập lưới khống chế độ cao chiều dài 0,941km; bố trí 06 tuyến thăm dò với tổng chiều dài 1,434km; lập mặt cắt theo tuyến thăm dò với chiều dài là 0,942 km.

3.2. Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ 1/2.000 (diện tích  $0,076\text{km}^2$ ) và bản đồ ĐCCT-ĐCTV tỷ lệ 1/2.000 (diện tích  $0,076\text{km}^2$ ); dọn 02 vết lộ với khối lượng  $0,1\text{m}^3$ ; thi công 04 hố đào địa chất với khối lượng  $26\text{m}^3$ ; thi công 03 lỗ khoan trên 3 tuyến thăm dò với tổng chiều sâu 13,6m (LK.1 là 4,2m, LK.2 là 4,7m; LK.3 là 4,7m); đưa 7 công trình chủ yếu ra thực địa và đưa 7 công trình chủ yếu vào bản đồ.

3.3. Lấy 15 mẫu (gồm: 04 mẫu độ hạt, 03 mẫu hóa cơ bản, 03 mẫu cơ lý, 04 mẫu vật liệu nung, 01 mẫu nước); gia công 14 mẫu (gồm: 04 mẫu độ hạt, 03 mẫu hóa cơ bản, 03 mẫu cơ lý, 04 mẫu vật liệu nung); phân tích 15 mẫu (gồm: 04 mẫu độ hạt, 03 mẫu hóa cơ bản, 03 mẫu cơ lý, 04 mẫu vật liệu nung, 01 mẫu nước).

4. Chi phí thăm dò: Bằng nguồn vốn tự có của Công ty TNHH Thống Nhất (đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước).

**Điều 2. Công ty TNHH Thống Nhất có trách nhiệm:**

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành (tại Sở Tài nguyên và môi trường).

2. Lựa chọn tổ chức có năng lực tiến hành thi công công tác thăm dò (theo quy định tại Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và Thông tư số 17/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

3. Thực hiện thăm dò khoáng sản theo phương pháp, khối lượng đã quy định tại Điều 1 Giấy phép này, Đề án thăm dò được chấp thuận và theo các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường; thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

4. Thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lục Nam và UBND xã Cẩm Lý để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa; chịu sự kiểm tra, giám sát quá trình thi công hệ phương pháp kỹ thuật và các hạng mục công việc trong Đề án của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc đơn vị được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang ủy quyền.



5. Quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác và nghiêm cấm mọi hoạt động khai thác trong quá trình thăm dò; nếu phát hiện các khoáng sản khác, phải kịp thời có văn bản báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang) để xử lý theo quy định.

6. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng khoáng sản cho mục đích sử dụng làm nguyên liệu đất sét gạch. Trước khi tiến hành lấy mẫu công nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

7. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành; bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra.

8. Nộp báo cáo kết quả thăm dò tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang để thẩm định, trình phê duyệt theo quy định của pháp luật về khoáng sản; nộp báo cáo vào lưu trữ địa chất theo quy định hiện hành.

**Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.**

Hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép này, Công ty TNHH Thống Nhất chỉ được phép thực hiện sau khi thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lục Nam, UBND xã Cẩm Lý, để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản VN (báo cáo);
- Các Sở: TN&MT, XD, NN&PTNT;
- L&S (GĐ, PGĐ-PT);
- UBND huyện Lục Nam;
- UBND xã Cẩm Lý;
- Công ty TNHH Thống Nhất;
- VPS (một cửa), TNKS;
- Lưu: VT, TNKS (Hồ sơ).

**CHỨNG THỰC**  
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
SỞ CHỨNG THỰC: 182 QUYỀN SỞ SCT-BS  
Ngày 07 tháng 01 năm 2022.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Ngô Văn Xuyên**



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
*Nguyễn Thị Hồng Bích*







**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT**  
**PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG LAB-206**

Địa chỉ: Số 86, Đ. Đỗ Văn Quýnh, P. Xương Giang, TP Bắc Giang, T. Bắc Giang.

Điện thoại: 0204 6507 666 - Email: cnmtdatviet@gmail.com

**BIÊN BẢN ĐO ĐẠC/LẤY MẪU VÀ XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG**  
**CÔNG VIỆC**

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00, ngày 25 tháng 4 năm 2022.

Tại: Công ty TNHH Thống Nhất

Địa chỉ: Tại Dự án: Khai thác đất sét gạch tại khu vực Dộc Đàm, Trại Cũ, thôn Liên Phong, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Chúng tôi gồm:

**I. Đại diện cơ sở: Công ty TNHH Thống Nhất**

1. Ông (bà): ....Phạm.../Khai...Tiến....., Chức vụ: ....C.B...Cty.....

**II. Đại diện đơn vị lấy mẫu: Công ty TNHH công nghệ môi trường Đất Việt,**

1. Ông(bà): Đặng Văn Lượng, Chức vụ: TPHT

2. Ông(bà): Nguyễn Thị Thùy Dương, Chức vụ: CBQT

Chúng tôi cùng tiến hành lập Biên bản việc đo đạc /lấy mẫu các thành phần, chỉ tiêu môi trường và xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện của Cơ sở như sau:

**III. Điều kiện khí tượng khi đo đạc/lấy mẫu:**

.....Trời...mát.....

**IV. Hiện trạng hoạt động của cơ sở khi đo đạc / lấy mẫu:**

.....Chưa...hoạt...tĩnh.....

**V. Nội dung đo đạc/lấy mẫu:**

**1. Mẫu khí: (số mẫu 01.)**

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý	
1	Khí xung quanh lấy tại khu vực triển khai dự án	0297/25/04/22/ KXQ01	2345888	432693

**2. Mẫu nước: (số mẫu 02.)**

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý	
1	Nước mặt lấy tại ruộng cách khu vực dự án 50m về phía Đông.	0297/25/04/22/ NM01	2345613	432678
2	Nước dưới đất lấy tại hộ gia đình Hoàng Văn Thuyết thôn Liên Phong, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam	0297/25/04/22/ NDD01	2345618	432740

**3. Mẫu đất (số mẫu...LA...)**

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý	
1	Đất lấy tại khu vực dự kiến triển khai dự án	0297/25/04/22/ Đ01	2345862	432695

**4. Mẫu bùn trầm tích: (số mẫu...B...)**

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý	

**5. Mẫu chất thải rắn: (số mẫu...C...)**

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý	

**VI. Lưu mẫu: (Mẫu nước, Đất, Chất thải rắn, Bùn).**

Cơ sở có yêu cầu lưu mẫu hay không?

☐ Có lưu mẫu.

☒ Không lưu mẫu.

**Ghi chú:** Sau 05 ngày kể từ khi cơ sở nhận kết quả mà không có phản hồi gì về Công ty TNHH Công Nghệ môi Trường Đất Việt thì mẫu lưu tự động sẽ được hủy.


Biên bản được thành lập 02 bản có giá trị như nhau, giao cho cơ sở 01 bản, Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Đất Việt lưu 01 bản.

Kết thúc, 9. giờ 15 phút, ngày 25 tháng 11 năm 2022

**ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC/**

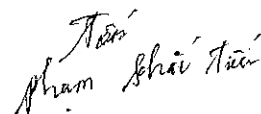
**LẤY MẪU**

(Ký, ghi rõ họ tên)

  
Đặng Văn Lương

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

  
Phạm Hải Quân

## PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Khách hàng:	Công ty TNHH Thống Nhất		
2. Địa điểm lấy mẫu	Tại Dự án: Khai thác đất sét gạch tại khu vực Dộc Đàm, Trại Cũ, thôn Liên Phong, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang		
3. Loại mẫu:	Không khí xung quanh		
4. Vị trí lấy mẫu:	Ký hiệu mẫu	Tọa độ	
Khí xung quanh lấy tại khu vực triển khai dự án		0297/25/04/22/KXQ01	X:2345888 Y:432693
5. Thời gian lấy mẫu:	25/4/2022	Thời gian phân tích	25/4 - 05/5/2022

TT	Thông số	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				0297/25/04/22 /KXQ01	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	26,7	-
2	Độ ẩm	%RH	QCVN 46:2012/BTNMT	67,6	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,5	-
4	Tiếng ồn Laeq	dBA	TCVN 7878-2:2010	53,6	70 <sup>1</sup>
5	SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	55	350
6	CO	µg/m <sup>3</sup>	SOP/HDNB02	2.320	30.000
7	NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	40	200
8	Bụi TSP	µg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067:1995	102	300

**Ghi chú:**

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh- Giá trị giới hạn các thông số cơ bản trong không khí xung quanh.
- "1": QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

**TM. NHÓM PHÂN TÍCH**

**KIỂM TRA**

Bắc Giang, ngày 05 tháng 5 năm 2022

**Dương Thị Nga**

**Hoàng Thị Kim Anh**



**Tạ Thị Minh Tâm**





## PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Khách hàng:	Công ty TNHH Thống Nhất		
2. Địa điểm lấy mẫu	Tại Dự án: Khai thác đất sét gạch tại khu vực Dộc Đầm, Trại Cũ, thôn Liên Phong, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang		
3. Loại mẫu:	Nước dưới đất		
4. Vị trí lấy mẫu:	Ký hiệu mẫu	Tọa độ	
Nước dưới đất lấy tại hộ gia đình Hoàng Văn Thuyết, thôn Liên Phong, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam	0297/25/04/22/NĐĐ01	X:2345618	Y:432740
5. Thời gian lấy mẫu:	25/4/2022	Thời gian phân tích	25/4 - 05/5/2022

TT	Thông số	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 09-MT:2015/ BTNMT (Giá trị giới hạn)
				0297/25/04/22/ NĐĐ01	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,7	5,5 ÷ 8,5
2	Chỉ số Pemanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	1,4	4
3	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	mg/L	SOP/HDNB 01	150	1.500
4	Độ cứng tổng số	mg/L	TCVN 6224:1996	182	500
5	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	mg/L	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> B&F:2017	<0,02	1
6	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> )	mg/L	TCVN 6178:1996	0,011	1
7	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	mg/L	TCVN 6180:1996	0,33	15
8	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	mg/L	TCVN 6194:1996	51,8	250
9	SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup>	mg/L	SMEWW 4500-SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> E:2017	32,6	400
10	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3500-Mn.B:2017	<0,03	0,5
11	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	<0,03	5
12	Coliform	MPN/100 mL	TCVN 6187-2:1996	<3	3

**Ghi chú:**

- (<): Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện.
- QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

KIỂM TRA

Bắc Giang, ngày 05 tháng 5 năm 2022

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Dương Thị Nga

Hoàng Thị Kim Anh

Tạ Thị Minh Tâm



## PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Khách hàng:	<b>Công ty TNHH Thống Nhất</b>		
2. Địa điểm lấy mẫu	Tại Dự án: Khai thác đất sét gạch tại khu vực Dộc Đầm, Trại Cũ, thôn Liên Phong, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang		
3. Loại mẫu:	Nước mặt		
4. Vị trí lấy mẫu:	Ký hiệu mẫu	Tọa độ	
Nước mặt lấy tại nương cách khu vực dự án 50m về phía Đông	0297/25/04/22/NM01	X:2345613	Y:432677
5. Thời gian lấy mẫu:	25/4/2022	Thời gian phân tích	25/4 - 05/5/2022

TT	Thông số	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả 0297/25/04/22/ NM01	QCVN 08-MT:2015/ BTNMT (Cột B1)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7	5,5 ÷ 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/L	SMEWW 5210B:2017	6,4	15
3	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	12	30
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	36	50
5	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/L	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> B&F:2017	0,37	0,9
6	Ôxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	6,5	≥ 4
7	Cl <sup>-</sup>	mg/L	TCVN 6194:1996	19,1	350
8	NO <sub>2</sub> <sup>-</sup>	mg/L	TCVN 6178:1996	0,08	0,05
9	Mn	mg/L	SMEWW 3500Mn.B:2017	0,37	0,5
10	Fe	mg/L	TCVN 6177:1996	0,177	1,5
11	Coliform	MPN/100 mL	TCVN 6187-2:1996	2.300	7.500

**Ghi chú:**

- **QCVN 08-MT:2015/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Cột B1, dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc mục đích sử dụng như loại B2.

**TM. NHÓM PHÂN TÍCH**

**Dương Thị Nga**

**KIỂM TRA**

**Hoàng Thị Kim Anh**

Bắc Giang, ngày 05 tháng 5 năm 2022



**Tạ Thị Minh Tâm**

- (\*): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (vimcerts – 0251)

- Phiếu kết quả này có giá trị trên mỗi mẫu phân tích.

- (-): Không quy định.

- Không được tự ý sao chép kết quả khi chưa có sự đồng ý của chủ đầu tư.





## PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Khách hàng:	Công ty TNHH Thống Nhất		
2. Địa điểm lấy mẫu	Tại Dự án: Khai thác đất sét gạch tại khu vực Dộc Đàm, Trại Cũ, thôn Liên Phong, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang		
3. Loại mẫu:	Đất		
4. Vị trí lấy mẫu:	Ký hiệu mẫu	Tọa độ	
Đất lấy tại khu vực dự kiến triển khai dự án	0297/25/04/22/Đ01	X:2345862	Y:432695
5. Thời gian lấy mẫu:	25/4/2022	Thời gian phân tích	25/4 - 05/5/2022

TT	Thông số	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 03-MT:2015/BTNMT (Đất nông nghiệp)
				0297/25/04/22/Đ01	
1	Cadimi (Cd) <sup>(*)</sup>	mg/kg đất khô	US.EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	<0,09	1,5
2	Asen (As) <sup>(*)</sup>	mg/kg đất khô	US.EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	7,82	15
3	Chì (Pb) <sup>(*)</sup>	mg/kg đất khô	US.EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	69,7	70
4	Đồng (Cu) <sup>(*)</sup>	mg/kg đất khô	US.EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017	19,25	100

**Ghi chú:**

- (<): Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện.
- QCVN 03-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất

Bắc Giang, ngày 05 tháng 5 năm 2022

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

KIỂM TRA

Dương Thị Nga

Hoàng Thị Kim Anh



Ta Thị Minh Tâm

- (\*): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (vimcerts - 0251)  
- Phiếu kết quả này có giá trị trên mỗi mẫu phân tích.

- (-): Không quy định.  
- Không được tự ý sao chép kết quả khi chưa có sự đồng ý của chủ đầu tư.





NGUYEN GIA

VIMCERTS\_251

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ  
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P.Đương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com

Hotline: 0338572255 - 0338172255

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.VLE/20220504/TNI-4194

I. THÔNG TIN DO KHÁCH HÀNG CUNG CẤP – Information supplied by the client

Khách hàng - Client:	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT
Địa chỉ - Address:	Số 86, đường Đỗ Văn Quỳnh, phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu/Kí hiệu mẫu - Type/Sign of Sample:	Đất
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	25/04/2022

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 25/04/2022

Ngày trả kết quả - Result date: 04/05/2022

TT. No.	Thông số phân tích Parameters	Phương pháp thử Testing method	Đơn vị Unit	Kết quả Result
				0297/25/04/22/Đ01
1	Asen (As)	US.EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	mg/Kg đất khô	7,82
2	Cadimi (Cd)	US.EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	mg/Kg đất khô	<0,09*
3	Chì (Pb)	US.EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	mg/Kg đất khô	69,7
4	Đồng (Cu)	US.EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017	mg/Kg đất khô	19,25

Ghi chú – Remark:

- (\*): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng LOQ của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT&PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu PQT&PTMT không giải quyết việc khiếu nại.

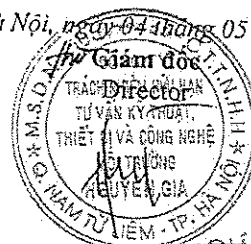
P.Trưởng phòng thí nghiệm  
Supervised by

Trần Ngọc Hữu

Cán bộ chất lượng  
QA/QC

Phạm Thị Vi

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2022



GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Ngọc Hưng

